UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 14 /2015 /QĐ-UBND	*Bắc Ninh, ngày 15 tháng 5 năm 2015*

SỞ TƯ PHÁP BẮC NINH
Số: 14
ĐẾN Ngày: 19/5/2015
Chuyển:

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28/8/2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 và Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002; Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí.

Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02.01.2014 của Bộ Tài chính Hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 119/2014/NQ-HĐND17 ngày 24/4/2014 của HĐND tỉnh Bắc Ninh về việc thu phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh Bắc Ninh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 19/2008/QĐ-UBND ngày 29/02/2008, Quyết định số 180/2008/QĐ-UBND ngày 31/12/2008 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều quy định về thu, quản lý và sử dụng phí trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành trực thuộc UBND tỉnh; Cục thuế Bắc Ninh; Kho bạc Nhà nước Bắc Ninh, các cơ quan, đơn vị liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Bộ Tài chính (b/c);
- Bộ Tư pháp (b/c);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội (b/c);
- TTTU, TTHĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- VP Tỉnh uỷ, các ban của Đảng;
- Các tổ chức CT-XH;
- Kho bạc NN tỉnh;
- Viện KSND, TAND tỉnh, Công an tỉnh;
- Các ban HĐND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu VT, KTTH, PVPTH, CVP, TH.

TM.UBND TỈNH
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Lương Thành

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Ninh, ngày tháng năm 2015

QUY ĐỊNH

Về việc quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 14 /2015/QĐ-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2015 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

Phí trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô là khoản thu vào chủ phương tiện có nhu cầu trông giữ xe đạp, xe đạp điện (gọi chung là xe đạp); xe máy, mô tô và các xe tương tự (gọi chung là xe máy), ô tô tại các điểm đỗ, bãi trông giữ phương tiện (sau đây gọi là điểm trông giữ xe) phù hợp với quy hoạch và quy định về kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị của địa phương.

Điều 2. Cơ quan thu phí.

Các đơn vị sự nghiệp tổ chức trông giữ xe; các tổ chức và cá nhân khác tổ chức trông giữ xe.

Điều 3. Mức thu phí.

1. Đối với điểm trông giữ các phương tiện bị thu, giữ do vi phạm Luật giao thông:

Biểu số 1

STT	Loại phương tiện	Mức thu phí (đồng/xe/1 ngày đêm)
1	Xe đạp	2.000
2	Xe xích lô	3.000
3	Mô tô, xe máy và xe tương tự	5.000
4	Xe từ 9 ghế ngồi trở xuống và xe có trọng tải từ 1,5 tấn trở xuống	40.000
5	Xe từ 10 ghế ngồi đến 29 ghế ngồi và xe có trọng tải từ 1,6 đến dưới 10 tấn	50.000
6	Xe từ 30 ghế ngồi trở lên và xe có trọng tải 10 tấn trở lên	60.000

2. Đối với các điểm: Nơi công cộng, bệnh viện, lễ hội, tham quan du lịch, chợ, nhà chung cư…

2.1. Đối với xe đạp, xe máy:

Biểu số 2

STT	Loại phương tiện	Mức thu phí						
		Ban ngày (đ/lượt)	Ban đêm (đ/lượt)	Gửi cả ngày và đêm (đ/lượt)	Gửi cả tháng (đ/tháng)			
					Điểm trông giữ xe tại các cơ sở giáo dục địa bàn các huyện.	Điểm trông giữ xe tại các cơ sở giáo dục địa bàn thị xã, thành phố.	Điểm trông giữ xe tại các cơ sở đào tạo, khu chung cư, nhà ở xã hội.	Các đối tượng khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Xe đạp	2.000	3.000	4.000	7.000	10.000	15.000	35.000
2	Xe máy	4.000	6.000	8.000	30.000	30.000	30.000	80.000

Ghi chú: Mức thu trông giữ xe máy theo tháng tại cột 6 và cột 7 chỉ quy định đối với điểm trông giữ xe tại Trung tâm giáo dục thường xuyên đối với học sinh, sinh viên được phép đi xe máy theo quy định.

(Thời gian gửi ban ngày từ 6 giờ đến 22 giờ, gửi ban đêm từ 22 giờ đến 6 giờ sáng hôm sau). (1 lượt xe: Là 1 lần xe vào và ra ở điểm trông giữ).

2.2. Đối với ô tô.

Biểu số 3

TT	Phương thức trông giữ	Mức thu		
		Xe từ 9 ghế ngồi trở xuống và xe có trọng tải từ 1,5 tấn trở xuống	Xe từ 10 ghế ngồi đến 29 ghế ngồi và xe có trọng tải từ 1,6 đến dưới 10 tấn	Xe từ 30 ghế ngồi trở lên và xe có trọng tải 10 tấn trở lên
1	Ban ngày (đồng/ lượt)	10.000	12.000	14.000
2	Ban đêm (đồng/ lượt)	10.000	12.000	14.000
3	Cả ngày và đêm (đồng/ lượt)	15.000	18.000	20.000
4	Cả tháng (đồng/tháng)	500.000	600.000	750.000

(Thời gian gửi ban ngày từ 6 giờ đến 22 giờ, gửi ban đêm từ 22 giờ đến 6 giờ sáng hôm sau). (1 lượt xe: Là 1 lần xe vào và ra ở điểm trông giữ).

Mức thu phí đối các điểm trông giữ xe tại các địa điểm danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hóa mà khách tham quan thường có nhu cầu gửi xe nhiều giờ, thực hiện công việc trông giữ khó khăn hơn những nơi khác, thì có thể áp dụng mức thu bằng mức thu quy định tại mục 1, 2, 3 Biểu số 3 nêu trên điều chỉnh tối đa không quá 2 lần, đối với những trường hợp có nhu cầu.

3. Đối với các điểm, bãi trông giữ ô tô có điều kiện trông giữ những xe ô tô có chất lượng cao, yêu cầu về điều kiện phục vụ cao hơn những điều kiện trông giữ xe thông thường: nếu có nhu cầu thu phí trông giữ xe cao hơn các điểm trông giữ thông thường thì thực hiện xây dựng đề án thu phí trình UBND tỉnh quyết định, sau khi có ý kiến cơ quan tài chính.

Điều 4. Quản lý và sử dụng phí.

1. Đối với trường hợp giữ xe vi phạm trật tự an toàn giao thông thì tiền phí được trích 70% để lại cho đơn vị thu quản lý, sử dụng; số còn lại 30% nộp vào ngân sách Nhà nước.

Phần để lại cho đơn vị thu phí sử dụng không phải nộp thuế và được sử dụng cho các nội dung sau:

- Trả tiền thuê kho, bãi cho chủ kho, bãi (nếu có).

- Chi trả các khoản tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp và đóng góp theo tiền lương, tiền công theo chế độ hiện hành của người lao động trực tiếp thu phí.

- Chi mua vật tư, nguyên liệu, văn phòng phẩm, điện thoại, điện nước, công vụ phí theo tiêu chuẩn hiện hành của nhà nước.

- Chi phí đầu tư xây dựng, sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn tài sản phục vụ trực tiếp cho công tác thu phí.

- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho đơn vị tổ chức thu phí; tổng mức trích 2 quỹ tối đa 1 năm bằng 3 tháng lương thực hiện nếu số thu năm nay cao hơn năm trước và tối đa bằng 2 tháng lương thực hiện nếu số thu năm nay thấp hơn năm truớc.

Kết thúc năm ngân sách nếu số phí được để lại chưa sử dụng hết thì tổ chức thu phí được phép chuyển sang năm sau để tiếp tục chi theo chế độ quy định.

2. Đối với các đơn vị sự nghiệp tổ chức thu phí trông giữ xe: Toàn bộ tiền phí thu được, để lại đơn vị.

Việc quản lý và sử dụng tiền phí thu được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và Lệ phí; Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính; Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí.

3. Đối với tổ chức, cá nhân khác tổ chức thu phí: Số tiền phí được tính là doanh thu của tổ chức, cá nhân thu phí. Tổ chức, cá nhân thu phí có trách nhiệm quản lý, sử dụng số tiền phí trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô theo chế độ về phí, lệ phí và thực hiện các nghĩa vụ về thuế với nhà nước theo các quy định hiện hành.

Điều 5. Chứng từ thu phí, đăng ký kê khai, thu, nộp phí và xử phạt.

Các tổ chức, cá nhân được phép thu phí phải thực hiện đúng chứng từ thu phí, đăng ký kê khai thu, nộp phí, hạch toán kế toán, quyết toán phí theo quy định tại Thông tư 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002; Thông tư 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định về phí và lệ phí; Thông tư số 06/2004/TT-BTC ngày 04/02/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ quy định về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hoá đơn./.

TM.UBND TỈNH
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Lương Thành

BIỂU SO SÁNH MỨC THU PHÍ TRÔNG GIỮ XE ĐẠP, XE MÁY, Ô TÔ

STT	Nội dung	Mức thu quy định tại QĐ 19/2008/QĐ-UBND và QĐ 180/QĐ-UBND ngày 31/12/2009	Khung mức thu tại NQ119/2014/NQ-HĐND17	Mức thu ban hành	Ghi chú
I	**Đối với điểm trông giữ các phương tiện bị thu, giữ do vi phạm Luật giao thông**				
1	Xe đạp	2.000 đồng/xe/ngày đêm	Không quá 6.000 đồng/xe/ngày đêm	2.000 đồng/xe/ngày đêm	Bổ sung thêm xe đạp điện
2	Xe xích lô	3.000 đồng/xe/ngày đêm		3.000 đồng/xe/ngày đêm	
3	Mô tô, xe máy và xe tương tự	5.000 đồng/xe/ngày đêm	Không quá 12.000 đồng/xe/ngày đêm	5.000 đồng/xe/ngày đêm	
4	Xe ô tô từ 9 ghế ngồi trở xuống và xe có trọng tải từ 1,5 tấn trở xuống	40.000 đồng/xe/ngày đêm	Không quá 60.000 đồng/xe/ngày đêm	40.000 đồng/xe/ngày đêm	
5	Xe ô tô từ 10 ghế ngồi đến 30 ghế ngồi và xe có trọng tải từ 1,6 đến 10 tấn	50.000 đồng/xe/ngày đêm	Không quá 60.000 đồng/xe/ngày đêm	50.000 đồng/xe/ngày đêm	Quy định lại "Xe ô tô từ 10 ghế ngồi đến 29 ghế ngồi và xe có trọng tải từ 1,6 đến dưới 10 tấn".
6	Xe ô tô từ 30 ghế ngồi trở lên và xe có trọng tải 10 tấn trở lên	60.000 đồng/xe/ngày đêm	Không quá 60.000 đồng/xe/ngày đêm	60.000 đồng/xe/ngày đêm	
II	**Đối với các điểm trông giữ xe đạp, xe máy (áp dụng cho các điểm trông giữ xe tại nơi công cộng, bệnh viện, lễ hội, tham quan du lịch, chợ, nhà chung cư...)**				
1	Xe đạp				Bổ sung thêm xe đạp điện
a	Gửi trong ngày	1.000 đồng/xe/lượt	Không quá 2.000 đồng/xe/lượt	2.000 đồng/xe/lượt	
b	Gửi ban đêm	1.500 đồng/xe/lượt	Không quá 4.000 đồng/xe/lượt	3.000 đồng/xe/lượt	
c	Gửi cả ngày và đêm	2.000 đồng/xe/lượt	Không quá 6.000 đồng/xe/lượt	4.000 đồng/xe/lượt	
d	Gửi cả tháng				
-	*Điểm trông giữ xe cho học sinh các trường tiểu học, THCS, THPT, trung tâm GDTX các huyện*	*7.000 đồng/xe/ tháng*	Không quá 100.000 đồng/xe/tháng	*7.000 đồng/xe/ tháng*	*Quy định lại: "Điểm trông giữ xe tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn các huyện"*
-	*Điểm trông giữ xe cho các trường tiểu học, THCS, THPT, trung tâm GDTX trên địa bàn thị xã, thành phố*	*10.000 đồng/xe/tháng*	Không quá 100.000 đồng/xe/tháng	*10.000 đồng/xe/tháng*	*Quy định lại:"Điểm trông giữ xe tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn thị xã, thành phố"*
-	*Điểm trông giữ xe cho học sinh, sinh viên các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề, thực tập ở các cơ sở y tế; khu chung cư*	*15.000 đồng/xe/tháng*	Không quá 100.000 đồng/xe/tháng	*15.000 đồng/xe/tháng*	*Quy đinh lại: "Điểm trông giữ xe tại các cơ sở đào tạo, khu chung cư, nhà ở xã hội".*
-	*Các đối tượng khác*	*20.000 đồng/xe/tháng*	Không quá 100.000 đồng/xe/tháng	*35.000 đồng/xe/tháng*	
2	Xe máy				Bổ sung thêm xe mô tô và xe tương tự
a	Gửi trong ngày	2.000 đồng/xe/lượt	Không quá 4.000 đồng/xe/lượt	4.000 đồng/xe/lượt	
b	Gửi ban đêm	3.000 đồng/xe/lượt	Không quá 8.000 đồng/xe/lượt	6.000 đồng/xe/lượt	
c	Gửi cả ngày và đêm	4.000 đồng/xe/lượt	Không quá 12.000 đồng/xe/lượt	8.000 đồng/xe/lượt	
d	Gửi cả tháng				
-	*Điểm trông giữ xe cho học sinh, sinh viên các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề, thực tập ở các cơ sở y tế; khu chung cư*	30.000 đồng/xe/tháng	Không quá 200.000 đồng/xe/tháng	30.000 đồng/xe/tháng	*Quy định lại:"Điểm trông giữ xe tại các cơ sở đào tạo; khu chung cư; nhà ở xã hội"*
-	*Các đối tượng khác*	45.000 đồng/xe/tháng	Không quá 200.000 đồng/xe/tháng	80.000 đồng/xe/tháng	
3	Ô tô				
a	Gửi ban ngày				

STT	Nội dung	Mức thu quy định tại QĐ 19/2008/QĐ-UBND và QĐ 180/QĐ-UBND ngày 31/12/2009	Khung mức thu tại NQ119/2014/NQ-HĐND17	Mức thu ban hành	Ghi chú
	Xe từ 9 ghế ngồi trở xuống và xe có trọng tải từ 1,5 tấn trở xuống	8.000 đồng/xe/lượt	Không quá 20.000 đồng/xe/lượt	10.000 đồng/xe/lượt	
	Xe từ 10 ghế ngồi đến 29 ghế ngồi và xe có trọng tải từ 1,6 đến dưới 10 tấn	10.000 đồng/xe/lượt		12.000 đồng/xe/lượt	
	Xe từ 30 ghế ngồi trở lên và xe có trọng tải 10 tấn trở lên			14.000 đồng/xe/lượt	
b	Gửi ban đêm				
	Xe từ 9 ghế ngồi trở xuống và xe có trọng tải từ 1,5 tấn trở xuống	8.000 đồng/xe/lượt	Không quá 40.000 đồng/xe/lượt	10.000 đồng/xe/lượt	
	Xe từ 10 ghế ngồi đến 29 ghế ngồi và xe có trọng tải từ 1,6 đến dưới 10 tấn	10.000 đồng/xe/lượt		12.000 đồng/xe/lượt	
	Xe từ 30 ghế ngồi trở lên và xe có trọng tải 10 tấn trở lên			14.000 đồng/xe/lượt	
c	Gửi cả ngày và đêm				
	Xe từ 9 ghế ngồi trở xuống và xe có trọng tải từ 1,5 tấn trở xuống	8.000 đồng/xe/lượt	Không quá 60.000 đồng/xe/lượt	15.000 đồng/xe/lượt	
	Xe từ 10 ghế ngồi đến 29 ghế ngồi và xe có trọng tải từ 1,6 đến dưới 10 tấn	10.000 đồng/xe/lượt	Không quá 60.000 đồng/xe/lượt	18.000 đồng/xe/lượt	
	Xe từ 30 ghế ngồi trở lên và xe có trọng tải 10 tấn trở lên		Không quá 60.000 đồng/xe/lượt	20.000 đồng/xe/lượt	
d	Đối với những điểm trông giữ xe ô tô có mái che, có điều kiện trông giữ những xe ô tô có chất lượng cao, yêu cầu về điều kiện phục vụ cao hơn những điều kiện trông giữ thông thường và các điểm, bãi trông giữ xe tại các địa điểm danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hoá mà khách tham quan thường gửi xe nhiều giờ, thực hiện công việc trông giữ khó khăn hơn những nơi khác thì có thể áp dụng mức thu sau:		Không quá 3 lần mức thu quy định trên		Quy định lại: Mức thu phí đối với các điểm trông giữ xe tại các địa điểm danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hoá mà khách tham quan thường có nhu cầu gửi xe nhiều giờ, thực hiện công việc trông giữ khó khăn hơn những nơi khác thì có thể áp dụng mức thu bằng mức thu quy định tại mục a, b, c nhân với hệ số điều chỉnh tối đa không quá 2 lần đối với những trường hợp có nhu cầu.
e	Gửi cả tháng		Không quá 1.000.000 đồng/xe/tháng		
e1	Đối với loại xe tính theo ghế ngồi và điểm trông giữ không có mái che				Quy định không phân biệt điểm trông giữ có mái che hay không có mái che
-	Đến 9 ghế ngồi				Quy định lại "Xe từ 9 ghế ngồi trở xuống và xe có trọng tải từ 1,5 tấn trở xuống"
	Trông giữ ban ngày	*250.000 đồng/xe/tháng*	Không quá 1.000.000 đồng/xe/tháng	*Không ban hành*	
	Trông giữ ban đêm	*300.000 đồng/xe/tháng*		*Không ban hành*	
	Trông giữ cả ngày, đêm	*400.000 đồng/xe/tháng*		*500.000 đồng/xe/tháng*	
-	Từ 10 ghế ngồi đến 16 ghế ngồi				Quy định lại "Xe từ 10 ghế ngồi đến 29 ghế ngồi và xe có trọng tải từ 1,6 đến dưới 10 tấn"
	Trông giữ ban ngày	*300.000 đồng/xe/tháng*	Không quá 1.000.000 đồng/xe/tháng	*Không ban hành*	
	Trông giữ ban đêm	*350.000 đồng/xe/tháng*		*Không ban hành*	
	Trông giữ cả ngày, đêm	*450.000 đồng/xe/tháng*		*600.000 đồng/xe/tháng*	
-	Từ 17 ghế ngồi đến 29 ghế ngồi				
	Trông giữ ban ngày	*350.000 đồng/xe/tháng*	Không quá 1.000.000 đồng/xe/tháng	*Không ban hành*	
	Trông giữ ban đêm	*400.000 đồng/xe/tháng*		*Không ban hành*	
	Trông giữ cả ngày, đêm	*500.000 đồng/xe/tháng*		*600.000 đồng/xe/tháng*	
-	Từ 30 ghế ngồi trở lên				Quy định lại "Xe từ 30 ghế ngồi trở lên và xe có trọng tải 10 tấn trở lên".

STT	Nội dung	Mức thu quy định tại QĐ 19/2008/QĐ-UBND và QĐ 180/QĐ-UBND ngày 31/12/2009	Khung mức thu tại NQ119/2014/NQ-HĐND17	Mức thu ban hành	Ghi chú
	Trông giữ ban ngày	*450.000 đồng/xe/tháng*	Không quá 1.000.000 đồng/xe/tháng	*Không ban hành*	
	Trông giữ ban đêm	*500.000 đồng/xe/tháng*		*Không ban hành*	
	Trông giữ cả ngày, đêm	*600.000 đồng/xe/tháng*		*750.000 đồng/xe/tháng*	
e2	Đối với loại xe tính theo tải trọng và điểm trông giữ thông thường (không có mái che)				Không quy định phân biệt điểm trông giữ có mái che hay không có mái che
-	Tải trọng từ 1,5 tấn trở xuống				Xe từ 9 ghế ngồi trở xuống và xe có trọng tải từ 1,5
	Trông giữ ban ngày	*200.000 đồng/xe/tháng*	Không quá 1.000.000 đồng/xe/tháng	*Không ban hành*	
	Trông giữ ban đêm	*250.000 đồng/xe/tháng*		*Không ban hành*	
	Trông giữ cả ngày, đêm	*300.000 đồng/xe/tháng*		*500.000 đồng/xe/tháng*	
-	Tải trọng từ 1,6 tấn đến 3,5 tấn				
	Trông giữ ban ngày	*250.000 đồng/xe/tháng*	Không quá 1.000.000 đồng/xe/tháng	*Không ban hành*	
	Trông giữ ban đêm	*300.000 đồng/xe/tháng*		*Không ban hành*	
	Trông giữ cả ngày, đêm	*350.000 đồng/xe/tháng*		*600.000 đồng/xe/tháng*	Quy định lại "Xe từ 10 ghế ngồi đến 29 ghế ngồi và xe có trọng tải từ 1,6 đến dưới 10 tấn".
-	Tải trọng từ 3,6 tấn đến 7 tấn				
	Trông giữ ban ngày	*300.000 đồng/xe/tháng*	Không quá 1.000.000 đồng/xe/tháng	*Không ban hành*	
	Trông giữ ban đêm	*350.000 đồng/xe/tháng*		*Không ban hành*	
	Trông giữ cả ngày, đêm	*400.000 đồng/xe/tháng*		*600.000 đồng/xe/tháng*	
-	Tải trọng trên 7 tấn				Quy định lại "Xe từ 30 ghế ngồi trở lên và xe có trọng tải 10 tấn trở lên".
	Trông giữ ban ngày	*400.000 đồng/xe/tháng*	Không quá 1.000.000 đồng/xe/tháng	*Không ban hành*	
	Trông giữ ban đêm	*450.000 đồng/xe/tháng*		*Không ban hành*	
	Trông giữ cả ngày, đêm	*500.000 đồng/xe/tháng*		*750.000 đồng/xe/tháng*	
f	Đối với những điểm trông giữ xe ô tô có mái che, có điều kiện trông giữ những xe ô tô có chất lượng cao, yêu cầu về điều kiện phục vụ cao hơn những điều kiện trông giữ thông thường và các điểm, bãi trông giữ xe tại các địa điểm danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hoá mà khách tham quan thường gửi xe nhiều giờ, thực hiện công việc trông giữ khó khăn hơn những nơi khác thì có thể áp dụng mức thu sau:	- Mức phí quy định tại phần e1, e2 nhân (x) với hệ số 2	Gấp không quá 3 lần mức thu phí quy định tại điểm e1, e2.		Quy định lại:" Đối với những điểm trông giữ xe ô tô có điều kiện trông giữ những xe ô tô có chất lượng cao, yêu cầu về điều kiện phục vụ cao hơn những điều kiện trông giữ thông thường nếu có nhu cầu thu phí trông giữ xe cao hơn các điểm trông giữ thông thường thì thực hiện xây dựng Đề án thu phí trình UBND tỉnh quyết định, sau khi có ý kiến của Sở Tài chính